

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CỬU LONG

GIỚI THIỆU NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CỬU LONG được thành lập ngày 02/01/2007. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5203000054 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh An Giang cấp lần 1, và thay đổi lần 3 ngày 27/10/2023. Mã số: 1600862461.

Quyết định số: 472/QĐ-BXD ký ngày 27/03/2007 của Bộ Xây Dựng về việc công nhận phòng thí nghiệm kiểm định công trình xây dựng mã số: LAS-XD 511.

Giấy chứng nhận số: 4610/GCN-SXD ngày 29/10/2024 Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Xí, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

Điện thoại: 0913972077

1-Cơ cấu tổ chức:

Công ty có bộ máy hoạt động và tổ chức được xây dựng theo điều lệ dựa trên cơ sở Luật Doanh Nghiệp gồm: Hội đồng quản trị, Ban Giám Đốc và các phòng ban trực thuộc.

2-Ngành nghề kinh doanh

Về lĩnh vực tư vấn

Với đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên ngành Giao thông, Thủy lợi, Dân dụng, Công nghiệp có từ hơn 5>10 năm kinh nghiệm đủ đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng, với phương châm **“UY TÍN, CHÍNH XÁC, NHANH CHÓNG, HIỆU QUẢ”** mà Công Ty chúng tôi luôn đặt lên hàng đầu.

Về lĩnh vực kiểm tra, kiểm định chất lượng

Công Ty trang bị những thiết bị hiện đại phù hợp với chức năng đã được công nhận, đủ điều kiện kiểm tra, kiểm định chính xác. Ngoài những thiết bị hiện đại Công Ty còn có những kiểm định viên chuyên nghiệp, được đào tạo cơ bản và qua nhiều năm kinh nghiệm trên thực tế tại hiện trường.

Chúng tôi rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của các đối tác và hy vọng được cộng tác lâu dài, nhằm giúp cho việc quản lý chất lượng công trình và công tác tư vấn ngày càng hiệu quả hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CỬU LONG
GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Phạm Thanh Tâm

Phường Long Xuyên, ngày 25 tháng 05 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: Sở Xây Dựng tỉnh An Giang

Căn cứ Nghị định số 62/2016/ND-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số: 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây Dựng;

Căn cứ Giấy chứng nhận số: 4610/GCN-SXD ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Sở Xây Dựng An Giang về việc Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, mã số LAS-XD 01.007 thuộc Công ty cổ phần xây dựng Cửu Long;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây Dựng;

Căn cứ công văn Số 3491 /SXĐ-QLCLCT ngày 17/4/2026 của Sở Xây dựng An Giang về việc tự công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại Nghị định số 14/2026/ND-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ;

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty cổ phần xây dựng Cửu Long

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số 1600862461 cấp ngày 27/10/2023 của Sở Kế Hoạch & Đầu Tư tỉnh An Giang;

- Địa chỉ: Số 27, đường Nguyễn Xí, Phường Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam

- Điện thoại: 0913972077

- Mã số thuế: 1600862461

Đáp ứng các yêu cầu chung: Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2017

2. Thông tin Phòng thí nghiệm: Phòng thí Nghiệm Kiểm định công trình LAS-XD 01.007

- Địa chỉ: Số 27, đường Nguyễn Xí, Phường Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt

Nam

- Điện thoại: 0913972077

3. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm đủ điều kiện đăng ký hoạt động

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Thiết bị, máy móc	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, CÁT SAN LẤP, ĐÁ GÓC			
1	Lấy mẫu	TCVN 7572 1:2006; AASHTO T27-24	Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,01g, dụng cụ xúc mẫu hoặc lấy mẫu trên băng chuyền; thiết bị chia mẫu	Trần Huy Hoàng, Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
2	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136/C136M-19; AASHTO T27-24	Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,01g, Bộ sàng tiêu chuẩn 2,5 mm; 5 mm; 10 mm; 20 mm; 40mm; 70 mm; 100mm và 0,140 mm; 0,315mm; 0,630 mm, 1,25 mm, Máy lắc sàng, Tủ sấy,	Trần Huy Hoàng, Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
3	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:2006	Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,01g, Bộ sàng tiêu chuẩn 2,5 mm; 5 mm; 10 mm; 20 mm; 40 mm; 70 mm; 100 mm và 0,140 mm; 0,315 mm; 0,630 mm, 1,25 mm, Kính hiển vi có độ phóng đại từ 10 lần đến 50 lần, Kính hiển vi phân cực có độ phóng đại đến 1350 lần, Kính lúp	Trần Huy Hoàng, Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Thiết bị, máy móc	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
4	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; ASTM C127-24; ASTM C128-22; ASHTO T84-22; AASHTO T85-22; BS EN 1097-6:2022	Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,01g, Tủ sấy Bình dung tích, bằng thủy tinh. 1,05 lít-1,5lít, Thùng ngâm mẫu, Khay chứa, Côn thử độ sụt, Phễu, Que chọc kim loại, Bình hút âm.Sàng (5 mm và 0,140mm)	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến. Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
5	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006;TCVN 10322:2014; AASHTO T85-22	Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,01g, Cân thủy tĩnh, có độ chính xác 1%, và có giỏ đựng mẫu, Thùng ngâm mẫu, Khăn thấm nước mềm và khô, Thuốc kẹp, Bàn chải sắt, Tủ sấy	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến. Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
6	Xác định khối lượng thể tích xộp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29/C29M-23; AASHTOT19/T19 M -22; BS EN 1097-3:1998	Thùng đóng bằng kim loại, hình trụ, dung tích 11; 21; 51; 101 và 201.Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,01g, Phễu chia vật liệu, Bộ sàng tiêu chuẩn, theo TCVN 7572-2:2006, Tủ sấy Thước lá kim loại, Thanh gỗ thẳng, nhẵn, đủ cứng để gạt cốt liệu lớn	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến. Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
7	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006;ASTM C566-19;ASHTO T255-22	Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,01g, Tủ sấy, Dụng cụ đảo mẫu (thìa hoặc dao)	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến. Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Thiết bị, máy móc	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
8	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006;ASTM C117-23; ASTM C142/C142M-17(2023); AASHTO T112-23	Cân phân tích Mode INS 224A, đảm độ chính xác 0,001g, Tủ sấy, Thùng rửa cốt liệu, Đồng hồ bấm giây, Tấm kính hoặc tấm kim loại phẳng sạch, Que hoặc kim sắt nhỏ	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
9	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006;ASTM C40/C40M-20; AASHTO T21M/T21-20	Ống dung tích hình trụ bằng thủy tinh, dung tích 250 ml và 100ml. Cân phân tích Model:INS 224A, độ chính xác 0,001g, Bếp cách thủy, Sàng có kích thước lỗ 20 mm. Thang màu để so sánh. Thuốc thử	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
10	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM D7012-23	Máy khoan lấy mẫu B250; Máy nén mode TYA-2000 và máy cưa đá, Máy mài nước, Thước kẹp, Thùng hoặc chậu để ngâm mẫu	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
11	Xác định độ nén đập trong xi lanh và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Máy nén model: TYA-2000, Xi lanh bằng thép, có đáy rời, Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,01g, Bộ sàng tiêu chuẩn theo TCVN 7572-2 :2006, Tủ sấy, Thùng ngâm mẫu	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Thiết bị, máy móc	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
12	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006;AST M C131/C131M-20; ASTM C535-16; AASHTO T96-22	Máy Los Angeles, Bì thép (390-445 g/viên) Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,01g, Bộ sàng kích thước 37,5 mm;25 mm;19 mm;12,5mm;9,5 mm;6,3 mm 4,75 mm;2,36 mm và 1,7 mm,Tủ sấy	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
13	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006;AASH TOT335:2009; ASTM D4791-19(2023)	Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,01g, Thước kẹp cải tiến, Bộ sàng tiêu chuẩn theo TCVN 7572-2:2006,Tủ sấy	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
14	Xác định hàm lượng Mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,01g, Cân phân tích, 0,0001g, Tủ sấy, Lò nung, Búa, cối chày bằng đồng hoặc bằng gang để đập và nghiền cốt liệu, Sàng tiêu chuẩn theo TCVN 7572-2:2006 có kích thước mắt sàng 5 mm; 315 mm; 140 mm hoặc các sàng có kích thước mắt sàng 4,75mm; 300 mm và 150 mm,Bình phản ứng kiểm Silic	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
II	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ DẪM TRONG PHÒNG			
15	Lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản	TCVN 2683:2012	Dùng dao, xẻng, ống nhựa	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Thiết bị, máy móc	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
16	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; ASTM D854-23; AASHTO T100:2022	Cân kỹ thuật (0,01 g); Bình tỷ trọng dung tích 100 cm ³ ; Tủ sấy; Sàng có lưới N ^o 2 (kích thước lỗ Sàng 2 mm); Tỷ trọng kế; Thiết bị ổn nhiệt; bình hút chân không; Cối chày sứ, phễu, cốc nhỏ có nắp	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
17	Xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm (dung trọng)	TCVN 4202:2012; ASTM D7263-21	Dao vòng; Thước kẹp; Cân kỹ thuật (0,01g) Tủ sấy; Dao, cốc thủy tinh, hộp nhôm, bình hút ẩm	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
18	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216-19; AASHTO T265-22;	Cân kỹ thuật (0,01g) Tủ sấy; Sàng 1 mm, Bình hút ẩm có Canxi, clorua; cối chày sứ, khay	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
19	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy, chỉ số dẻo	TCVN 14134-4:2024 TCVN 4197:2012; ASTM D4318-17e1; AASHTO T89-22, AASHTO T90-22	Cân kỹ thuật (0,01g) Tủ sấy; Sàng 1 mm; Tấm kính nhám, chày xuyên Vaxiliep, dụng cụ Casagrande; khuôn hình trụ; tấm kính nhám; sàng 1.0mm; Hộp, cối chày sứ dao...	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Thiết bị, máy móc	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
20	Xác định thành phần hạt	TCVN 14135-5:2024, TCVN 14134-3:2024 TCVN 4198:2014; ASTM D6913/D6913M-17 AASHTO T88-22	Bộ sàng có kích thước lỗ:100;80;60;40;20;10;5;2;1;0.5;0.250.1 và 0.075 mm; Cân kỹ thuật (0.01g); Cân (0.5g); Tủ sấy; Nhiệt kế điện tử, Bình hút ẩm, cối chày sứ, bình phun tia...Dụng cụ để thí nghiệm xác định độ ẩm.	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiên, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
21	Xác định độ chặt tiêu chuẩn, đầm nén proctor trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012;TCVN 12790:2020;22 TCN 333:06 ASTM D1557-12 (2021);ASTM D698-12(2021; AASHTO T99-22;AASHTO T180-22	Cối đầm; Cân kỹ thuật (0.01g); Tủ sấy; Sàng 5 mm; Bình hút ẩm bình phun nước, dao gạt đất; hộp, cối chày sứ có đầu bọc cao su	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiên, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
III	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
22	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022	Khuôn đúc mẫu; Tủ bảo dưỡng hoặc buồng bảo dưỡng; Bàn rung; Đầm dùi; Thanh dầm; vật nặng; Đồng hồ đo thời gian; Bay, xẻng; khay, thùng	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiên, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
23	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143/C143M-20; ASHTO T119-23	Bộ côn thử độ sụt,Thước đo dài 300mm và 600 mm, có vạch chia đến 1 mm	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiên, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Thiết bị, máy móc	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
24	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993; ASTM C138/138M-23; AASHTO T121-23	Cân có độ chính xác tới 5 g, Thùng đong hình trụ, Thước lá bằng thép dài 400 mm	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
25	Xác định phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993	Cân kỹ thuật, Bộ sàng cát 5mm; 1,2mm và 0,15mm, Tủ sấy, Bay xéng để xúc hỗn hợp bê tông.	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
26	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022	Bình khối lượng riêng chiều cao hoặc bình tam giác. cân kỹ thuật có độ chính xác (0,1g), búa con, cối chày đồng, bình hút ẩm, tủ sấy 300°C(±1 °CC) sàng 5mm ; 1,25, 0,125mm , nước cất , bình hút ẩm.	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
27	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022; ASTM C642-21	Bình có dung tích 100ml; Cân có độ chính xác không lớn hơn 0,01 g; Tủ sấy; Máy nghiền thô; Máy nghiền mịn; Bếp đun cách thủy; Sàng có kích thước 5,0 mm 1,25mm và 0,125 mm; Bình hút ẩm; Axít H ₂ S O ₄ đậm đặc; CaCl ₂ khan; Nước cất.	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Thiết bị, máy móc	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
28	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022;AST M C642-21; AASHTO T121M/T121-23	Thước đo có độ dài phù hợp và có vạch chia đến 1 mm; Tủ sấy; Bình hút ẩm chứa CaCl ₂ khan; Túi cách hơi hoặc thùng kín	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
29	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022	Thước đo có độ dài phù hợp và có vạch chia đến 1 mm; Tủ sấy; Bình hút ẩm chứa CaCl ₂ khan; Túi cách hơi hoặc thùng kín	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
30	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022	Máy nén bê tông 2000KN, model:TYA-2000; Cơ cấu truyền lực; Thước đo có độ dài phù hợp và có vạch chia đến 1 mm	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
31	Xác định giới hạn kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:2022; AASHTO T198-22, AASHTO T97 ASTM C496/C496M-17	Máy nén bê tông 2000KN,model:TYA2000; Gói truyền tải, tấm đệm;	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Thiết bị, máy móc	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
32	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu (bê tông hiện trường bằng phương pháp khoan)	TCVN 12252:2020; TCXD VN 239:2006 TCVN-14524-2025	Máy khoan lấy mẫu bê tông B250, Máy nén.model: TYA-300; Gói truyền tải; tấm đệm;	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
33	Xác định thành phần cấp phối bê tông, vữa	QĐ Số 778/98/QĐ-BXD ngày 05/09/1998; TCVN 10796:2015; TCVN 9382:2012 TCVN-10303-2025	Máy nén bê tông 2000KN,model:TYA-2000; Khuôn đúc mẫu, Gói truyền tải; tấm đệm;	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
IV	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ KIM LOẠI VÀ VẬT LIỆU HÀN			
34	Thử kéo (thanh, dây và sợi làm cốt, lưới hàn, thép dự ứng lực, thép hình, thép tấm; nhôm định hình,...)	TCVN 197-1:2014;ASTM A370-24a; ASTM E8/E8M-25; AASHTO T68M/T68-09; JIS Z2241:2022	Máy thử kéo nén vạn năng 1000kN, Newluda Model: WA 1000B và phụ kiện kèm theo; thuốc kẹp cân kỹ thuật (0.5g)	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
35	Thử uốn (thanh, dây và sợi làm cốt, lưới hàn, thép dự ứng lực, thép hình, thép tấm; nhôm định hình,...)	TCVN 198:2008;TCVN 7937-1:2013; TCVN 7937-2:2013; TCVN 7937-3:2013; ASTM A370-24a;ASTM E290-22; JIS Z2248:2022	Máy thử kéo nén vạn năng 1000kN ,Newluda Model: WA-1000B,Bộ gối uốn	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Thiết bị, máy móc	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
36	Thí nghiệm thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực (thử kéo, thử uốn, thử uốn lại, kiểm tra kích thước hình học)	TCVN 7937-1÷3:2013 TCVN 197-1:2014	Máy thử kéo nén vạn năng 1000kN, Newluda Model: WA 1000B và phụ kiện kèm theo; thước kẹp; cân kỹ thuật (0.5g)	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
37	Kiểm tra chất lượng mối hàn kim loại- Thử uốn	TCVN 5401:2010; ASTM E190-21	Máy thử kéo nén vạn năng 1000kN, Bộ gôï uốn; thước kẹp; thước lá; thước đo góc	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
38	Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại, thử kéo ngang, kéo dọc	TCVN 8310:2010;TCVN 8311:2010 AASHTO T244-20	Máy thử kéo nén vạn năng 1000kN, Newluda Model: WA-1000B, Bộ gôï uốn; thước kẹp; thước lá; thước đo góc	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
39	Thử kéo ống thép	TCVN 314:2008; TCVN197-1:2014;	Thiết bị kiểm tra từ tính; Gông từ; bột từ	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Thiết bị, máy móc	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
40	Thử nghiệm thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực (thử kéo, thử uốn, thử uốn lại)	TCVN 7937:2013; TCVN 197-1:2014	Máy thử kéo nén vạn năng 1000kN, Newluda Model: WA-1000B; Thước thép; Cân kỹ thuật (0.5g);	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
V	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG			
41	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao dai (Xác định độ chặt của đất tại hiện trường)	22 TCN 02:1971; TCVN 8729:2012; TCVN 8728:2012; TCVN 8730:2012; ASTM D2937-24	Cân (0.5g), Sàng 5mm, dao gạt đất, dao dai, búa, bàn chải lông	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
42	Xác khối lượng thể tích, độ ẩm của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346:06; TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; ASTM D1556/D1556M- 24; AASHTO T191-14	Bộ phễu rót cát, Cát chuẩn, Cân (0.5g), Các dụng cụ khác: dao, cuốc, xô có nắp, hộp đựng mẫu ẩm.....	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
43	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Bộ đo E bằng tấm ép cứng, Đồng hồ so, sách, thước nivo	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Thiết bị, máy móc	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
44	Xác định độ chặt tiêu chuẩn của đất	TCVN 4201:2012	Cối đầm nén, cần dẫn búa bằng kim loại, cân kỹ thuật, sàng, bình phun nước, tủ sấy, bình hút ẩm, hộp nhôm, dao gạt, vò đập, khay, vải phủ, cối sứ, chày bọc cao su.	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
45	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vồng Benkelman	TCVN 8867:2011 TCVN 8867:2025; AASHTO T256-01 (2020)	Cần đo vồng Benkelman, Xe đo vồng và vật chất tải, Đồng hồ so. Kích thủy lực, Tấm ép cứng	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
46	Kiểm tra độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011;	Thước dài 3m, con nôm	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
47	Đo điện trở suất của đất	TCVN 9385:2012	Thiết bị đo điện Kyoritsu- đo điện trở đất 4105A	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Thiết bị, máy móc	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
48	Xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học	TCVN 9360:2024	Máy thủy bình Licca NA-332 ; Mía để đo lún; Móc	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
49	Xác định độ nghiêng bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9400:2012	Máy thủy chuẩn điện tử; Giá 3 chân; Gương: Mía; thước thép.	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
50	Xác định dịch chuyển ngang bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9399:2012	Máy thủy chuẩn điện tử; Giá 3 chân; Gương Mía; Thước thép.	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
VI	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG			
51	Xác định kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan;	TCVN 6477:2016; ASTM C140/C140M-24a	Thước lá thép, Thước kẹp Thiết bị thử độ thấm nước, Ống đo nước có đường kính (35÷45)mm và có vạch chia đến 2 ml, Khay chứa mẫu thử Máy nén, model TYA-2000. Thước lá thép, Cân kỹ thuật (0.5g), Bay, chảo trộn hồ xi măng Thước đo có vạch chỉ đến 1mm, Cát khô	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Thiết bị, máy móc	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
52	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy, Cân kỹ thuật (0.5g), Khăn lau mẫu	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung Trương Văn Tiến. Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng.
53	Thí nghiệm độ rỗng	TCVN 6477:2016;	Thuốc lá thép, Thước kẹp Thiết bị thử độ thấm nước, ống đo nước có đường kính (35÷45)mm và có vạch chia đến 2 ml, Khay chứa mẫu thử Máy nén, model TYA-2000. Thuốc lá thép, Cân kỹ thuật (0.5g), Bay, chảo trộn hồ xi măng Thuốc đo có vạch chỉ đến 1mm, Cát khô	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung Trương Văn Tiến. Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
54	Thí nghiệm cường độ chịu nén	TCVN 6477:2016;	Thuốc lá thép, Thước kẹp Thiết bị thử độ thấm nước, ống đo nước có đường kính (35÷45)mm và có vạch chia đến 2 ml, Khay chứa mẫu thử Máy nén, model TYA-2000. Thuốc lá thép, Cân kỹ thuật (0.5g), Bay, chảo trộn hồ xi măng, Thuốc đo có vạch chỉ đến 1mm, Cát khô	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung Trương Văn Tiến. Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
VII	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ĐÁT SÉT NUNG			
55	Xác định kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan;	TCVN 6355-1:2009	Thuốc thép; Kính lúp. Máy nén, model: TYA-300, Máy cưa để cắt mẫu thử, Bay, chảo để trộn vữa xi măng, Cân kỹ thuật (1g), Tủ sấy, Thùng ngâm mẫu, Thùng giữ ẩm, Thước đo Khay chứa nước, bàn chải, tủ sấy	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung Trương Văn Tiến. Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Thiết bị, máy móc	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
56	Thí nghiệm cường độ nén của gạch xây	TCVN 6355-2:2009	Thuốc thép; Kính lúp. Máy nén, model: TYA-300, Máy cưa để cắt mẫu thử, Bay, chảo để trộn vữa xi măng Cân kỹ thuật (1g), Tủ sấy, Thùng ngâm mẫu, Thùng giữ ẩm, Thước đo Khay chứa nước, bàn chải, tủ sấy	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
57	Thí nghiệm cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009	Thuốc thép; Kính lúp. Máy nén, model: TYA-300, Máy cưa để cắt mẫu thử, Bay, chảo để trộn vữa xi măng, Cân kỹ thuật (1g), Tủ sấy, Thùng ngâm mẫu, Thùng giữ ẩm, Thước đo Khay chứa nước, bàn chải, tủ sấy	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
58	Thí nghiệm độ hút nước của gạch xây	TCVN 6355-4:2009	Thuốc thép; Kính lúp. Máy nén, model: TYA-300, Máy cưa để cắt mẫu thử, Bay, chảo để trộn vữa xi măng, Cân kỹ thuật (1g), Tủ sấy, Thùng ngâm mẫu, Thùng giữ ẩm, Thước đo, Khay chứa nước, bàn chải, tủ sấy	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
59	Khối lượng thể tích của gạch	TCVN 6355-5:2009	Thuốc thép; Kính lúp. Máy nén, model: TYA-300, Máy cưa để cắt mẫu thử, Bay, chảo để trộn vữa xi măng, Cân kỹ thuật (1g), Tủ sấy, Thùng ngâm mẫu, Thùng giữ ẩm, Thước đo Khay chứa nước, bàn chải, tủ sấy	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Thiết bị, máy móc	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
60	Xác định độ rỗng của gạch	TCVN 6355-6:2009	Thuốc thép; Kính lúp. Máy nén, model: TYA-300, Máy cưa để cắt mẫu thử, Bay, chảo để trộn vữa xi măng, Cân kỹ thuật (1g), Tủ sấy, Thùng ngâm mẫu, Thùng giữ ẩm, Thước đo, Khay chứa nước, bàn chải, tủ sấy	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
VIII	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN			
61	Xác định kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan;	TCVN 6476:1999	Thước lá, thước kẹp; kính lúp Máy nén, Thước lá các miềng kính để làm phẳng mặt vữa trát mẫu, Bay chảo để hồ trộn xi măng.	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
62	Thí nghiệm cường độ chịu nén	TCVN 6476:1999	Thước lá, thước kẹp; máy nén	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
63	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy, Cân kỹ thuật 15Kg (0.5g), Thùng ngâm mẫu	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
IX	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẹ			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Thiết bị, máy móc	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
64	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước; độ phẳng mặt thẳng cạnh	TCVN 9030:2017	Thước kẻ, Thước thẳng, Thước ke vuông, Thước nivô, Thước lá, Bộ căn thép Máy thử uốn, nén SKZ-10-1000, Cân (5g), Tủ sấy, Bay, chảo trộn hồ xi măng. Dụng cụ làm phẳng mặt mẫu, Thước cặp (0,1 mm) Cân kỹ thuật (0.01g) Bình hút ẩm; Máy cắt.	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nguyễn Quang Trung Trương Văn Tiến Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Đùng
65	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	Cân kỹ thuật (0.01g) Tủ sấy, Bình hút ẩm bàn chải, đá mài	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nguyễn Quang Trung Trương Văn Tiến Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Đùng
66	Xác định độ ẩm và khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:2017	Cân kỹ thuật (0.01g) Tủ sấy, Bình hút ẩm bàn chải, đá mài	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nguyễn Quang Trung Trương Văn Tiến Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Đùng
67	Xác định cường độ nén	TCVN 9030:2017	Thước lá, thước kẻ; máy nén,	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nguyễn Quang Trung Trương Văn Tiến Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Đùng
X	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Thiết bị, máy móc	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
68	Kiểm tra kích thước hình dáng, màu sắc và mức khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999	Thuốc lá, thước kẹp; kính lúp Máy nén, Các miếng kính để làm phẳng mặt vữa trát mẫu, Bay chải để hồ trộn xi măng.	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
69	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy, Cân kỹ thuật 15Kg (0.5g), Thùng ngâm mẫu	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
70	Thí nghiệm cường độ chịu nén	TCVN 6476:1999	Máy thử điện, thước cặp điện tử	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
XI	THỬ NGHIỆM NGÓI ĐẤT SÉT NUNG			
71	Xác định kích thước, lực uốn gãy, độ thấm nước, độ hút nước và khối lượng một mét vuông ở trạng thái bão hòa nước	TCVN 4313:2023 TCVN 1452:2023	Thước đo; Thước kẹp, Máy thử uốn, nén SKZ-10-1000; Gối uốn; Đệm trên; Đệm dưới, Khung được gắn lên trên bề mặt mẫu hoặc xung quanh mẫu; miếng đệm; nước.	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
XII	CHỈ TIÊU CƠ LÝ BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Thiết bị, máy móc	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
72	Xác định thành phần hạt; Độ ẩm; Hệ số hao nước	22TCN58:1984; TCVN 12884-2:2020 AASHTO T37-22	Bộ sàng (1,25; 0,630,315; 0,140,071mm), cân kỹ thuật (0.1g), bát sứ 15cm, chày bít cao su, bình đựng nước 10 Lít bình hút ẩm;tủ sấy, Cân kỹ thuật (0.01g), hộp nhôm,bát sứ; chày; đũa thủy tinh; ống đong 50ml	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Thiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Luy, Lưu Anh Dũng
73	Xác định khối lượng riêng của bột khoáng chất	22TCN58:1984; TCVN 8735:2012	Bình khối lượng riêng 250ml, cân kỹ thuật (0.01g), máy hút chân không, bình để rửa, tủ sấy,nhiệt kế điện tử, sàng (1.25, 0.14mm), bát sứ, bình hút ẩm	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Thiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Luy, Lưu Anh Dũng
74	Hàm lượng chất hòa tan trong nước	22TCN58:1984;	Cân kỹ thuật (0.01g Tủ sấy; Sàng 1 mm Tấm kính nhám, chày xuyên Vaxiliep, dụng cụ Casagrande; khuôn hình trụ; tấm kín nhám; sàng 1.0mm Hộp, cối chày sứ, dao...	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Thiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Luy, Lưu Anh Dũng
75	Xác định hình dáng bên ngoài, hàm lượng nước, khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất, chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN58:1984;	Cân kỹ thuật (0.01g Tủ sấy; Sàng 1 mm, Tấm kính nhám, chày xuyên Vaxiliep, dụng cụ Casagrande; khuôn hình trụ; sàng 1.0mm Hộp, cối chày sứ, dao...	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Thiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Luy, Lưu Anh Dũng
XIII	THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Thiết bị, máy móc	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
76	Lấy mẫu	TCVN 7494:2005	Bộ dụng cụ lấy mẫu, can, thùng, ống đóng	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
77	Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:2005 ASTM D2170/D2170M-24	Bình tỷ trọng kế, Nhiệt kế; Bể ổn nhiệt; đồng hồ đo thời gian; cân kỹ thuật, tủ sấy	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
78	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005; ASTM D5/D5M-20; AASHTO T 49-22 Muc A.2 TCVN 13567:2022	Thiết bị kim lún Model: DF-6/IV-2000 Kim xuyên; Cốc đựng mẫu; Bể ổn nhiệt; Bình chuyển tiếp; Đồng hồ đo thời gian; Nhiệt kế;	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
79	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005 ASTM D113/D113M-17(2023)e1	Khuôn; Bể ổn nhiệt Thiết bị kéo mẫu bitum; Nhiệt kế;	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Thiết bị, máy móc	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
80	Xác định nhiệt độ hóa mềm (phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D36/D36M-14(2020)	Thiết bị xác định điểm nhiệt độ hóa mềm nhựa đường Model DF-10/LD-2000 gồm: Vòng; Tấm lót; Bì, Vòng dẫn hướng; Bình; Khung treo; Nhiệt kế	Ths. Huy Hoàng Ths. Văn Ths. Nguyễn Ths. Trung, Ths. Văn Ths. Phạm Ths. Huy, Lưu Ths. Dũng
81	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005;ASTM D92-24	Nhiệt kế; thiết bị thử độ bất lửa	Ths. Huy Hoàng Ths. Văn Ths. Nguyễn Ths. Trung, Ths. Văn Tiên, Ths. Hoàng Ths. Lưu Anh Ths. Dũng
82	Xác định lượng tồn thất sau khi đun nóng 163°C trong 5 giờ	TCVN 7499:2005;ASTM D6/D6M-95(2024)	Tủ sấy; nhiệt kế; cốc mẫu, cân kỹ thuật 300g/0.01g, lò nung, bình hút ẩm	Ths. Huy Hoàng Ths. Văn Ths. Nguyễn Ths. Trung, Ths. Văn Tiên, Ths. Hoàng Ths. Lưu Anh Ths. Dũng
83	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005; ASTM D3625/D3625M-20	Dây buộc; Bình thủy tinh; Nước cất; Bếp đun; Nhiệt kế	Ths. Huy Hoàng Ths. Văn Ths. Nguyễn Ths. Trung, Ths. Văn Tiên, Ths. Hoàng Ths. Lưu Anh Ths. Dũng
XIV	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Thiết bị, máy móc	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
84	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011; ASTM D2172/D2172M-24 AASHTO T164:2022	Máy thí nghiệm ly tâm chiết nhựa Model B011; Giấy lọc; cân kỹ thuật 6 (0.01g); Tủ sấy; Bay, chảo; dụng cụ đựng mẫu.	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
85	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011; AASHTO T27-18(2022); ASTM C136/C136M-19	Bộ sàng tiêu chuẩn: 37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 4.75; 2.36; 1.18; 0.6; 0.3; 0.15; 0.075 mm; Tủ sấy; Cân kỹ thuật (0.5g); Dụng cụ đựng mẫu.	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
86	Xác định khối lượng thể tích và khối lượng riêng của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011	Cân thủy tĩnh; Cân kỹ thuật (0.01g) ; Giỏ đựng mẫu; Tủ sấy; Nhiệt kế điện tử	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
87	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011; ASTM D3203-22	Bơm và bình hút chân không , lọc chân không, Cân kỹ thuật (0.01g), Tủ sấy, nhiệt kế điện tử, khay đựng mẫu	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Thiết bị, máy móc
88	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	Cân kỹ thuật (0.01g); bể nước; Tủ sấy; Nhiệt kế điện tử
89	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011; AASHTO T245-22	Máy kiểm tra độ bền nén (CBR và Marshall), Model LW-50, Khuôn tạo mẫu, chày dầm mẫu marshall, Kích tháo mẫu, Tủ sấy, Bể ôn nhiệt, Nhiệt kế điện tử, Cân kỹ thuật (0.01g), Thuốc kẹp
XIV	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG		
90	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; ASTM C187-23, ASTM C191-21; AASHTO T131-23; AASHTO T 129-23	Cân (5g), cân kỹ thuật (0.01g), đồng hồ bấm giây, ống đong có vạch chia, máy trộn, bộ vicat Bộ khuôn Le Chatelier, nôi luộc mẫu xi măng, tủ dưỡng hồ
91	Xác định độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 13605:2023; ASTM C188-17(2023), ASTM C204-24; AASHTO T133-22, AASHTO T153-22, AASHTO T192-23	Sàng 0.09mm, Bình Le chatelier, cân kỹ thuật có độ chính xác 0.01g, bể ôn nhiệt, phễu nhỏ, dầu hỏa, đồng hồ bấm giây
XV	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG		

Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm

Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm

Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm

Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm

Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Thiết bị, máy móc	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
92	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3121-2:2022	Dụng cụ xúc; Bay và dao nê; Cân kỹ thuật (0.5g);	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
93	Xác định tra kích thước hạt cốt liệu lớn	TCVN 3121-1:2022	Cân kỹ thuật 3000g/0,1g, tủ sấy, bộ sàng 10mm, 5mm, 2,5mm, 1,25mm, 0,63mm, 0,315mm, 0,14mm.	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
94	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022; ASTM C1437-20	Cân kỹ thuật, (0.5g) Thuốc kẹp, Bay, chảo trộn mẫu, Bàn dẫn, Khâu hình côn	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng
95	Xác định khối lượng thể tích vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Cân kỹ thuật (0.01g): cân (0.5g), Tủ sấy, Thuốc kẹp	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung, Trương Văn Tiến, Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Thiết bị, máy móc	Thí nghiệm viên d re hiện ch thí nghiệm
96	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đóng rắn	TCVN 3121-11:2022; ASTM C109/C109M-24	Khuôn 40x40x160mm Chày đầm mẫu, Tủ dưỡng hồ mẫu, Giấy lọc dinh tính, Tấm kính, Máy thí nghiệm kiểm tra độ nén TYA-300, Hai tấm nén của máy	n Huy H yển u, N ng ng Văn n v, Lưu g
97	Xác định độ hút nước	TCVN 3121-18:2022	Thùng kim loại hình trụ 2L; Cân kỹ thuật (0.5g); Nắp đậy bằng kính; Pipet dung tích 5ml.	n Huy H yển u, N ng ng Văn n v, Lưu g
XVII	THỬ NGHIỆM NƯỚC DÙNG CHO XÂY DỰNG			
98	Xác định vẩn dầu mỡ và màu nước	TCVN 4506:2012	Quan sát bằng mắt	n Huy H yển u, N ng ng Văn n v, Lưu g
99	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988	Tu sấy 300°C, Cân phân tích (0.001g); lò nung, bình hút ẩm, chén sứ, phễu lọc, giấy lọc không tro	n Huy H yển u, N ng ng Văn n v, Lưu g

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Thiết bị, máy móc	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
100	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988	Tủ sấy 300°C, Cân phân tích (0.001g); lò nung, bình hút ẩm, chén sứ, phễu lọc, giấy lọc không tro	Trần Huy Hoàng Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Quang Trung Trương Văn Tiến Phạm Hoàng Huy, Lưu Anh Dũng

Công ty Cổ Phần Xây Dựng Cửu Long chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung công bố; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:

- Sở xây dựng;
- Trang thông tin công ty;
- Phòng thí nghiệm
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CỬU LONG
GIÁM ĐỐC



Lương Thanh Tâm

Phường Long Xuyên, ngày 25 tháng 05 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: Sở Xây Dựng An Giang

Căn cứ Nghị định số 62/2016/ND-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số: 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây Dựng;

Căn cứ Giấy chứng nhận số: 4610/GCN-SXD ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Sở Xây Dựng An Giang về việc Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, mã số LAS-XD 01.007 thuộc Công ty cổ phần xây dựng Cửu Long;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây Dựng;

Căn cứ công văn Số 3491 /SX-QLCLCT ngày 17/4/2026 của Sở Xây dựng An Giang về việc tự công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại Nghị định số 14/2026/ND-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ;

Công ty cổ phần xây dựng Cửu Long.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng danh mục kèm theo quyết định này.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm kiểm định công trình LAS-XD 01.007

Địa chỉ: Số 27, đường Nguyễn Xí, Phường Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam

- Điện thoại: 0913972077

- Mã số thuế: 1600862461

- Email: CuuLong01.007@gmail.com

- Website: www.thinghiemcuulong.com

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Phòng thí nghiệm kiểm định công trình LAS-XD 01.007 và các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Sở xây dựng
- Website
- Phòng TN
- Lưu Cty



GIÁM ĐỐC

Lương Thanh Tâm

Số: 4610 /GCN-SXD

An Giang, ngày 29 tháng 10 năm 2024

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Công văn số 05/CV-CL ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Công ty Cổ phần Xây dựng Cửu Long về việc Báo cáo kết quả khắc phục các nội dung theo Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Sở Xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần Xây dựng Cửu Long và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Sở Xây dựng.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần Xây dựng Cửu Long

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1600862461, cấp lần đầu: ngày 02/01/2007, thay đổi lần thứ 3: ngày 27/10/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Địa chỉ: số 27 Nguyễn Xí, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam.

Điện thoại: 0296 3945869

Fax: 0296 3945870

Email: cuulong511@gmail.com

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm & Kiểm định**

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: số 27 Nguyễn Xí, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm được nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số LAS-XD: **LAS-XD 01.007**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

4. Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn; hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan. /

Nơi nhận:

- Cty CP XD Cửu Long;
- UBND tỉnh (b/c);
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Trung tâm PVHCC;
- BGĐ sở;
- Website của Sở XD;
- Lưu VT, GĐXD, Lịch (4).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thanh Vũ

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 01.007

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 46.10./GCN-SXD, ngày 29 tháng 10 năm 2024
của Sở Xây dựng An Giang)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
I	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023
2	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
II	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
3	Xác định thành phần cấp phối bê tông	Quyết định số 778/1998/ QĐ-BXD ngày 05/09/1998
4	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3105:2022
5	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
6	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
7	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022
8	Xác định, phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:1993
9	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng của bê tông	TCVN 3112:2022
10	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113:2022
11	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:2022
12	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022
13	Thí nghiệm cường độ kéo khi bửa của bê tông	TCVN 3120:2022
14	Xác định cường độ bê tông hiện trường bằng phương pháp khoan	TCVN 12252:2020; TCXDVN 239:2006
III	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, CÁT SAN LẤP, ĐÁ GỐC	
15	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006
16	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
17	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:2006
18	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
19	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
20	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hỏng	TCVN 7572-6:2006
21	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
22	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét, hàm lượng sét cục trong	TCVN 7572-8:2006



Handwritten signature

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	cốt liệu nhỏ	
23	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
24	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
25	Xác định độ nén đập trong xilanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
26	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006
27	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt	TCVN 7572-13:2006
28	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
IV	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ĐÁT SÉT NUNG	
29	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan của gạch xây	TCVN 6355-1:2009
30	Cường độ nén của gạch xây	TCVN 6355-2:2009
31	Cường độ uốn của gạch xây	TCVN 6355-3:2009
32	Độ hút nước của gạch xây	TCVN 6355-4:2009
33	Khối lượng thể tích của gạch xây	TCVN 6355-5:2009
34	Xác định độ rỗng của gạch xây	TCVN 6355-6:2009
V	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
35	Thí nghiệm kiểm tra kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999
36	Thí nghiệm cường độ chịu nén	TCVN 6476:1999
37	Thí nghiệm độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
VI	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG	
38	Thí nghiệm kiểm tra kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016
39	Thí nghiệm độ rỗng	TCVN 6477:2016
40	Thí nghiệm cường độ chịu nén	TCVN 6477:2016
41	Thí nghiệm độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
VII	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẹ	
42	Khuyết tật ngoại quan, kích thước, độ phẳng mặt thẳng cạnh	TCVN 9030:2017
43	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
44	Xác định độ ẩm và khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:2017
45	Xác định cường độ nén	TCVN 9030:2017
VIII	THỬ NGHIỆM NGÓI ĐÁT SÉT NUNG	
46	Xác định lực uốn gãy; Xác định độ thấm nước; Độ hút nước và khối lượng một mét vuông ở trạng thái bão hoà nước	TCVN 4313:2023

nghe

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
IX THỬ NGHIỆM VỮA XÂY		
47	Xác định tra kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
48	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3121-2:2022
49	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
50	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
51	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022
52	Xác định độ hút nước	TCVN 3121-18:2022
X THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA		
53	Xác định hình dáng bên ngoài; Hàm lượng nước; Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN58:1984
54	Thành phần hạt; Độ ẩm; Hệ số hao nước	22TCN58:1984; TCVN 12884-2:2020
55	Hàm lượng chất hòa tan trong nước	22TCN58:1984
56	Khối lượng riêng của bột khoáng chất	22TCN58:1984; TCVN 8735:2012
XI THỬ NGHIỆM ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG		
57	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng) của đất	TCVN 4195:2012
58	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm của đất	TCVN 4196:2012
59	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy, chỉ số chảy	TCVN 4197:2012
60	Xác định thành phần hạt của đất	TCVN 4198:2014
61	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng) của đất	TCVN 4202:2012; ASTM D7263-21
62	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
XII THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ KIM LOẠI HÀN		
63	Thử kéo	TCVN 197-1:2014
64	Thử uốn	TCVN 198:2008
65	Kiểm tra chất lượng mối hàn kim loại - Thử uốn	TCVN 5401:2010
66	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại- Thử kéo ngang, kéo dọc	TCVN 8310:2010; TCVN 8311:2010
67	Thử nghiệm thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực (thử kéo, thử uốn, thử uốn lại)	TCVN 7937:2013; TCVN 197-1:2014
68	Thử kéo thép ống	TCVN 314:2008; TCVN 197-1:2014

nghe

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
XIII	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
69	Thí nghiệm hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm	TCVN 8860-2:2011
70	Thí nghiệm thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
71	Thí nghiệm tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
72	Thí nghiệm độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
73	Thí nghiệm độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
74	Thí nghiệm độ ổn định còn lại	TCVN 8860-12:2011
XIV	THỬ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG BITUM	
75	Lấy mẫu	TCVN 7494:2005
76	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
77	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005
78	Xác định điểm hóa mềm	TCVN 7497:2005
79	Xác định điểm chớp cháy	TCVN 7498:2005
80	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:2005
81	Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:2005
82	Thí nghiệm độ dính bám với đá của nhựa đường	TCVN 7504:2005
XV	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
83	Xác định tra kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
84	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3121-2:2022
85	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
86	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
87	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022
88	Xác định độ hút nước	TCVN 3121-18:2022
XVI	THỬ NGHIỆM NƯỚC DỪNG CHO XÂY DỰNG	
89	Xác định váng dầu mỡ và màu nước	TCVN 4506:2012
90	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
91	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988
XVII	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
92	Xác định khối lượng thể tích của đất bằng phương pháp dao dai	TCVN 8729:2012; 22TCN 02:1971

hph

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
93	Xác định khối lượng thể tích của đất bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012; 22TCN 346:2006
94	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3,0 mét	TCVN 8864:2011
95	Xác định môđun đàn hồi “E” chung của kết cấu áo đường bằng cần đo vồng Benkelman	TCVN 8867:2011
96	Xác định modul đàn hồi “E” nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
97	Xác định độ nghiêng bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9400:2012
98	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
99	Xác định độ chặt tiêu chuẩn của đất xây dựng	TCVN 4201:2012
100	Xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học	TCVN 9360:2012
101	Xác định chuyển vị ngang bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9399:2012

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.



An Giang, ngày 12 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành hệ thống văn bản quản lý năng lực phòng thí nghiệm
theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CỬU LONG

Căn cứ Kế hoạch về việc áp dụng hệ thống quản lý năng lực phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 vào các hoạt động thí nghiệm của công ty;
Theo đề nghị của thư ký ISO.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành hệ thống văn bản quản lý năng lực Phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 của Công Ty Cổ phần Xây dựng Cửu Long (hồ sơ quy trình kèm theo)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các ông, bà phụ trách Phòng thí nghiệm chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Ban chỉ đạo ISO có nhiệm vụ phổ biến, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

-Như điều 3

-Lưu VT



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Lương Thanh Tâm

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 1600862461

Đăng ký lần đầu: ngày 02 tháng 01 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 27 tháng 10 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP XÂY DỰNG CỬU LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 27 Nguyễn Xi, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0913972077

Fax: 076.3945870

Email: Cuulong511@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 200.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LƯƠNG THANH TÂM

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 07/08/1965

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 019165004716

Ngày cấp: 18/03/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Bình Đức 3, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An
Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 27 Nguyễn Xi, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An
Giang, Việt Nam



Nguyễn Văn Dũng

CHỨNG CHỈ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
Số: ANG-00048877

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 543/QĐ-SXD ngày 24/12/2021
của Sở Xây dựng tỉnh An Giang)*

Tên tổ chức: **CÔNG TY CP XÂY DỰNG CỬU LONG**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1600862461.

Ngày cấp: Ngày 02/01/2007, thay đổi lần thứ 2: ngày 18/3/2011; Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: **LUÔNG THANH TÂM**; Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 1/21 Nguyễn Xí, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam.

Điện thoại: 0913 972 077

Fax:

Email: cuulong511@gmail.com

Website:

Phạm vi hoạt động xây dựng:

1. Lĩnh vực khảo sát xây dựng:

- Khảo sát địa chất công trình (LAS-XD 511); Khảo sát địa hình: Hạng III.

2. Lĩnh vực Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng:

- Kết cấu công trình Dân dụng: Hạng III.

- Loại công trình Giao thông (cầu, đường bộ); Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Hạng III.

3. Lĩnh vực Giám sát thi công xây dựng công trình:

- Loại công trình Dân dụng, Giao thông (cầu, đường bộ), Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Thủy lợi: Kênh): Hạng III.

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày 01 tháng 12 năm 2030./.

An Giang, ngày 24 tháng 12 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Vũ

CHỨNG CHỈ

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Giang, ngày 05 tháng 6 năm 2024

DANH MỤC THIẾT BỊ

Tên phòng thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm & Kiểm Định.
Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Xí, Phường Mỹ Bình – Tp. Long Xuyên – tỉnh An Giang.
1. Phương tiện đo lường :

Tên phương tiện đo	Phạm vi đo cấp chính xác	Ghi chú
Cân điện tử Model: OHAUS (Mỹ)	Giá trị vạch chia min : Min 1g; Max = 15kg	
Cân điện tử Model: OHAUS (Mỹ)	Giá trị vạch chia min : Min 0,01g; Max = 3,1kg	
Đồng hồ so : Đo E	10mm/0,01mm (Nga)	
Nhiệt kế	Vạch từ 0 - 180 ⁰ C	
Nhiệt kế	Vạch từ 0 - 400 ⁰ C	
Nhiệt kế thủy ngân	Vạch từ 0 - 100 ⁰ C/1 ⁰ C	
Thước lá kim loại	Dài 300 mm và 400mm	
Thước Palme Mitutoyo (Nhật)	Thang đo 0...25mm vạch chia 0,01mm	
Thước đo cải tiến Model : A072 Matest (ý)	Thước đo hình dạng mẫu Thích hợp đo chiều dài/ độ dày của các mẫu vật riêng biệt	
Thước kẹp cơ khí Mitutoyo (Nhật)	Khoảng đo 0 - 300mm Vạch chia 0,02mm	
	Thước cuộn 2m Thước cuộn 5m	

Tên phương tiện đo	Phạm vi đo cấp chính xác	Ghi chú
Các loại thước	Thước cuộn 30m Thước Inox 0,5m	

2. Trang thiết bị khác

TT	Tên thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Tài liệu kỹ thuật của thiết bị	Ghi chú
1	Tủ sấy gia nhiệt Model : 101-2 (TQ)	Gia nhiệt từ 0 ÷ 300 ⁰ C Điều khiển nhiệt độ bằng điện tử, chỉ thị nhiệt bằng đồng hồ kim	01/2007	Hướng dẫn sử dụng	
1	Cần Benkenman (VN)	Tỉ lệ cần 2 : 1	01/2007	- nt -	
2	Kích thủy lực (TQ)	Khả năng tạo lực tối đa 20 tấn.	01/2007	- nt -	
3	Kích thủy lực (TQ)	Khả năng tạo lực tối đa 20 tấn.	- nt -	- nt -	
4	Đồng hồ và adaptor	Đường kính 2-1/2 inch, áp suất đo 700bar	- nt -	- nt -	
5	Chày cối Proctor cải tiến (Việt nam)	Cối Proctor cải tiến đường kính 6", thể tích 1/33.33 ch.ft. Gồm : khuôn + cổ + tấm đế	- nt -	- nt -	
6	Bình tỷ trọng	Bình 1 gallon hờ có lỗ f 12.7 mm	- nt -	- nt -	
7	Dao đai	Dung tích 100 cm ³ (f 50,4x50,4mm), bằng thép không rỉ, với nắp đậy	- nt -	- nt -	
8	Đế đóng dao dùng cho dao vòng		- nt -	- nt -	

TT	Tên thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Tài liệu kỹ thuật của thiết bị	Ghi chú
9	Hộp nhôm		- nt -	- nt -	
10	Thước đo độ phẳng 3m Model ZSC-1 (Nanjing - Trung Quốc)	Đo độ bằng phẳng mặt đường. Điểm gấp 1,5m Độ chính xác sai số <2mm trên bề mặt dài 3m. Thang đo 0-20mm	- nt -	- nt -	
11	Bộ phễu rót cát Model GRY-2 Nanjing - Trung quốc	Xác định thể tích khối bằng phương pháp cone cát. Dùng để xác định độ chặt của đất hạt, đá sỏi hiện trường.	- nt -	- nt -	
12	Máy đo điện trở đất Model 4105A, Kyoritsu-Japan	Hệ thống báo động tự động khi điện trở của cọc đất phụ vượt ngưỡng. Thang điện trở đất : 0-20Ω, 0-200Ω, 0-2000Ω. Thang điện thế đất : 0-2000V AC (50-60Hz).	- nt -	- nt -	
13	Côn thử độ sụt BT (VN)	Phễu, tấm móc cài, thước đo, thanh sụt & giá xúc.	- nt -	- nt -	
14	Máy cắt mẫu BT : Model C350: đường kính lưỡi 450mm;	Công suất : nguồn điện 400V, 3 pha 50Hz, 3HP	- nt -	- nt -	
15	Lưỡi cắt mẫu Model C350-13:	Lưỡi cắt mẫu bằng kim cương, đường kính 350mm.	- nt -	- nt -	
16	Máy khoan điện cầm tay. Model GBH2-24 Bosch (Đức)	Máy khoan cầm tay, có chức năng đục.	- nt -	- nt -	

TT	Tên thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Tài liệu kỹ thuật của thiết bị	Ghi chú
17	Khuôn bê tông hình lập phương	Kích thước khuôn 10*10*10cm	- nt -	- nt -	
18	Khuôn bê tông hình lập phương	Kích thước khuôn 15*15*15cm	- nt -	- nt -	
19	Khuôn bê tông hình lập phương	Kích thước khuôn 20*20*20cm	- nt -	- nt -	
20	Khuôn bê tông hình trụ	Kích thước khuôn 150*300mm	- nt -	- nt -	
21	Máy thử độ nén Bê tông. Model TQ	Max : 2.000kN; Thang đo : 0-2.000kN; Vạch chia:0,1kN.	- nt -	- nt -	
22	Các tấm thoát đệm :	Dùng nâng cao Piston để nén mẫu hình khối - Cạnh 200 mm - Cạnh 150 mm - Cạnh 100 mm	- nt -	- nt-	
23	Đồng hồ bấm giây	Đo giờ, phút, giây	- nt -	- nt-	
24	Ông đong bằng thủy tinh 250ml		- nt -	- nt-	
25	Pipet vạch 5/0,05ml		- nt -	- nt-	
26	Thiết bị đầm	2800-3000vg/ph, biên độ 0,35-0,5mm	- nt -	- nt-	
27	Thùng kim loại 5, 15, 20 lít	Cao 186 và 267 mm	- nt -	- nt-	
28	Biến dạng kế	$6 \cdot 10^6$	- nt -	- nt -	

TT	Tên thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Tài liệu kỹ thuật của thiết bị	Ghi chú
29	Cối chày đồng	f 120mm	- nt -	- nt -	
30	Khuôn 40*40*160mm	Thép tấm theo TCVN	- nt -	- nt -	
31	Chày đầm bằng thép	f10-12 mm, dài 250mm	- nt -	- nt -	
32	Phễu thủy tinh	f 120mm - Trung quốc	- nt -	- nt -	
33	Bình trụ bằng sắt	1000 6 2ml	- nt -	- nt -	
34	Bộ má ép - Việt Nam	(120x60)mm dày $\geq$ 15mm.	- nt -	- nt -	
35	Thùng lắng cát đá (VN)	Đường kính cao 250mm, cao 350mm	- nt -	- nt-	
36	Xi lanh thử nén đập (VN)	Đường kính f75, f150 tấm đế và Piston nén	- nt -	- nt-	
37	Bộ sàng tiêu chuẩn : TQ	Cỡ rây cỡ : 0,15mm đến 75mm.	- nt -	- nt-	
38	Khay hứng Tyler (TQ)	Bằng thau, đường kính 203mm, 305mm.	- nt -	- nt -	
39	Nắp đập (TQ)	Bằng thau, đường kính 203mm, 305mm.	- nt -	- nt -	
40	Bộ sàng cát và đá dăm - Trung Quốc	Đường kính 300mm*cao 70mm. Cỡ rây : 0,075mm đến 120mm	- nt -	- nt -	
41	Thang màu so sánh : Trung Quốc		- nt -	- nt -	

TT	Tên thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Tài liệu kỹ thuật của thiết bị	Ghi chú
42	Bình khối lượng riêng	Dung tích 500ml	- nt -	- nt -	
43	Bình khối lượng riêng	Dung tích 100ml, nhám 29/32 và ống mao quản	- nt -	- nt -	
44	Bình tỉ trọng đá Model VMT-30, Việt Nam	Dung tích 100ml, nhám 19/24 và ống mao quản	- nt -	- nt -	
45	Bình hút ẩm	f 300mm không van, với tấm đặt mẫu	- nt -	- nt -	
46	Cốc thủy tinh 1000ml		- nt -	- nt -	
47	Ống đong thủy tinh	Dung tích 500ml có khắc độ.	- nt -	- nt -	
48	Ống đong thủy tinh	Dung tích 1000ml có khắc độ.	- nt -	- nt -	
49	Máy kéo thép vạn năng Zhejiang – TQ Model WEW-600B	Kéo : 0-600 kN, khoảng cách giữa hai hàm kéo 600mm, bộ điều khiển bằng vi xử lý điện tử, khả năng kết nối PC.	- nt -	- nt -	
50	Bộ hàm kẹp :	Kẹp thép f13-40mm Thép lá dày 0-30mm	- nt -	- nt -	
51	Đỡ thử uốn		- nt -	- nt -	
52	Đầu nén thử uốn		- nt -	- nt -	
53	Đe lõm dưới		- nt -	- nt -	

TT	Tên thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Tài liệu kỹ thuật của thiết bị	Ghi chú
54	Đe lồm trên		- nt -	- nt -	
55	Máy vi tính + máy in cho máy kéo thép		- nt -	- nt -	
56	Máy cắt mẫu thép. Model HMT-01, Trung Quốc	Đường kính 350mm. Độ sâu lưỡi cắt:120mm.Tốc độ quay 3900v/p	- nt -	- nt -	
57	Lưỡi cắt kim cương	φ350mm-Trung Quốc	- nt -	- nt -	
58	Máy mài thép cầm tay Crown - Trung Quốc	Máy dùng lưỡi cắt đường kính đến 120mm.	- nt -	- nt -	
59	Dụng cụ thử độ lưu động hỗn hợp vữa Model SC-145, Jianyi-Trung Quốc	Xác định độ kết dính bình thường của vữa. Chiều cao rơi:0-14,5cm. Thể tích côn rơi:0-229,3cm ³ . Trọng lượng côn và thước đo : 30062g. Thang đo của thước: 0-150mm.	- nt -	- nt -	
60	Bơm chân không Model 2XZ-1,TQ	Lưu tốc 60lít/phút, cấp chân không 6.10 ⁻² mmHg.	- nt -	- nt -	
61	Bình tạo chân không	Đường kính 300mm với van hút chân không, chiều cao đặt mẫu 150mm, dung tích hữu ích >10lít	- nt -	- nt -	
62	ống dây chịu lực+đầu nối+van+đồng hồ Model AMT-24		- nt -	- nt -	

TT	Tên thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Tài liệu kỹ thuật của thiết bị	Ghi chú
63	Thiết bị đo độ kết dính vữa (Pull-off tester): Proceq (Thụy sỹ); Model Z16;	Xác định lực kết dính và lực kháng kéo của vữa, bê tông, lớp phủ, sơn... Lực kéo 16KN, độ đọc 0,1 N.mm ² , độ chính xác < 62%	- nt -	- nt -	
64	Đĩa thử f 50 mm Model R50	Dùng cho máy thử độ kết dính	- nt -	- nt -	
65	Đầu khoan với đường nối dẫn nước cho mũi khoan. Model : M50B		- nt -	- nt -	
66	Khuôn 70,7*70,7*70,7mm	Thép tấm theo TCVN	- nt -	- nt -	
67	Máy li tâm chiết nhựa Model LLC-15, Jianyi-Trung Quốc	Xác định hàm lượng nhựa trong hỗn hợp bê tông nhựa nền đường.	- nt -	- nt -	
68	Giấy lọc cho máy li tâm. Model BMT-01, Matest-Italy		- nt -	- nt -	
69	Chậu thủy tinh	φ250*100 - Việt Nam	- nt -	- nt -	
70	Bộ kim lún tự động. Model LZY-50, Jianyi-Trung Quốc	Xác định độ kết dính của nhựa đường và các vật liệu mềm khác. Độ lún 0-50mm, tải lún 100g , thời gian lún 5s	- nt -	- nt-	
73	Bộ thí nghiệm độ hoá mềm. Model LRY-35, Wuxi-Trung Quốc	Khối lượng bi thép : 3,5g. Đường kính bi φ9,53mm. Cốc thủy tinh: 800-1000ml. Nhiệt độ 30-180 ⁰ C. Sai số nhiệt độ ±0,5 ⁰ C	- nt -	- nt-	

TT	Tên thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Tài liệu kỹ thuật của thiết bị	Ghi chú
74	Máy khuấy từ gia nhiệt Model ARE, cat no.F20520162, Velp-Italy	Tốc độ điều chỉnh bằng núm đến 1200v/p. Gia nhiệt điều chỉnh bằng núm đến 370 ⁰ C, đường kính gia nhiệt 155mm.	- nt -	- nt -	
75	Xác định nhiệt độ bắt lửa	Thử nghiệm chớp cháy và điểm bắt lửa Cleveland. Tự động đánh lửa và điều chỉnh nhiệt độ liên tục.	- nt -	- nt -	
76	Máy nén Marshall	Khả năng tải max : 30kN, độ chính xác vòng lực : 0,01kN. Tốc độ Piston : 50,8mm. Vạch chia đồng hồ lưu tốc : 0,01mm.	- nt -	- nt -	
77	Máy đầm mẫu Marshall	Thích hợp khi khuôn đường kính 4". Chày nặng 4,536kg, đường kính fi 98,5mm. Độ cao rơi 457,2mm.	- nt -	- nt -	
78	Khuôn Marshall	Bao gồm thân khuôn, tấm đế và cổ rót. Đường kính trong 4".	- nt -	- nt -	
79	Kích tháo mẫu	Kích tháo mẫu đa năng, vận hành bằng tay. Thích hợp tháo mẫu trong khuôn đường kính 100,102 và 152mm	- nt -	- nt -	
80	Bể điều nhiệt Marshall	Dung tích hữu ích : 57 lít. Điều khiển nhiệt độ 30-70 ⁰ C. Độ thay đổi nhiệt độ +/-1 ⁰ C.	- nt -	- nt -	

TT	Tên thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Tài liệu kỹ thuật của thiết bị	Ghi chú
81	Máy thử kéo dài	Máy đo độ kéo dài nhựa, lạnh. Máy dùng động cơ, hai tốc độ kéo dài 10mm/phút và 50mm/phút. Có thể thử cùng lúc 03 mẫu. Nhiệt độ điều chỉnh 5..50 ⁰ C.	- nt -	- nt -	
82	Lò nung	Lò nung 1000 ⁰ C, dung tích khoảng 2,5 lít. Điều khiển nhiệt độ bằng điện tử, chỉ thị nhiệt độ bằng đồng hồ kim.	- ni-	- ni-	
83	Chén nikel 50ml		- nt-	- nt-	
84	Bình định mức 100ml		- nt-	- nt-	
85	Chậu nhôm đáy phẳng	φ55*35mm	- nt-	- nt-	
86	Máy thủy bình: Sokkia (Nhật); Model B2o Automatic level 360 ⁰	Kính vĩ thủy bình	- nt-	- nt-	
87	Máy kính vĩ điện tử	Đường kính hiệu quả vật : 45mm. Độ phóng đại ống kính : 30X. Khoảng cách đọc nhỏ nhất 1,0m. Số đọc góc nhỏ nhất 1”/5”.	- nt-	- nt-	
88	Bộ chia mẫu		- nt-	- nt-	
89	Bếp cách cát		- nt-	- nt-	
90	Khay sắt, khay sấy, xéng xúc, búa con..		- nt-	- nt-	
91	Bếp điện		- nt-	- nt-	
92	Dao gọt mẫu		- nt-	- nt-	

TT	Tên thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Tài liệu kỹ thuật của thiết bị	Ghi chú
93	Chảo trộn		- nt-	- nt-	
94	Bay trộn		- nt-	- nt-	
95	Máy mài		- nt-	- nt-	
96	Đá mài		- nt-	- nt-	
97	Chậu ngâm mẫu		- nt-	- nt-	
98	Thùng rửa có vòi		- nt-	- nt-	
99	Đũa thủy tinh		- nt-	- nt-	
100	Bàn chải sắt		- nt-	- nt-	
101	Máy mài mòn LOSANGERLES (TQ)		- nt-	- nt-	

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
CỬU LONG**



Giám đốc

GIÁM ĐỐC
Lương Thanh Tâm

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Về việc bổ nhiệm nhân sự

- Căn cứ nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 06 năm 2023 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;
- Căn cứ điều lệ Công Ty Cổ phần Xây dựng Cửu Long;
- Căn cứ quy định chức năng nhiệm vụ của các Phòng ban Công Ty Cổ phần Xây dựng Cửu Long;
- Xét nhu cầu công tác và năng lực nhân sự Phòng thí nghiệm.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng thí nghiệm Công Ty Cổ phần Xây dựng Cửu Long cho ông **Trần Huy Hoàng**, Phụ trách phòng **Phòng Thí nghiệm & Kiểm Định** kể từ ngày 12/6/2024

Điều 2: Quyền hạn và chức vụ:

- Thực hiện theo quy định của Bộ xây dựng đối với Trưởng phòng, phòng thí nghiệm Chuyên Ngành Xây Dựng
- Bố trí và giám sát các Phó phòng, Thí nghiệm viên thực hiện công việc thí nghiệm tại Phòng thí nghiệm và tại hiện trường; Đôn đốc các Phó phòng, Thí nghiệm viên hoàn thiện hồ sơ Thí nghiệm; Quản lý hồ sơ thí nghiệm của khách hàng; Phiếu thí nghiệm;
- Quản lý trang thiết bị phục vụ trong công tác Thí nghiệm; Lập kế hoạch vật tư, thiết bị phục vụ công tác hiệu chuẩn, bảo dưỡng và bảo trì trang thiết bị Thí nghiệm;
- Điều động thiết bị Thí nghiệm cho các Thí nghiệm viên thực hiện tốt công việc;
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Công ty và theo quy định của pháp luật;

Điều 3: Ông **Trần Huy Hoàng** và Trưởng các bộ phận khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

-Như điều 3
-Lưu HCNS



GIÁM ĐỐC

(ký và đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Lương Thanh Tâm

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Về việc bổ nhiệm nhân sự

- Căn cứ nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 06 năm 2023 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;
- Căn cứ điều lệ Công Ty Cổ phần Xây dựng Cửu Long;
- Căn cứ quy định chức năng nhiệm vụ của các Phòng ban Công Ty Cổ phần Xây dựng Cửu Long;
- Xét nhu cầu công tác và năng lực nhân sự Phòng thí nghiệm.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bổ nhiệm chức danh Phó Trưởng phòng thí nghiệm Công Ty Cổ phần Xây dựng Cửu Long cho ông: **Nguyễn Văn Nhiều**, Phụ trách phòng **Phòng Thí nghiệm & Kiểm Định** kể từ ngày 19/9/2024;

Điều 2: Quyền hạn và chức vụ:

- Thực hiện theo quy định của Bộ xây dựng đối với Phó Trưởng phòng, phòng thí nghiệm Chuyên Ngành Xây Dựng, và qui định của Giám đốc Công Ty;
- Bố trí và giám sát các thí nghiệm viên thực hiện công việc thí nghiệm tại Phòng thí nghiệm và tại hiện trường; Đôn đốc các thí nghiệm viên hoàn thiện hồ sơ thí nghiệm; Quản lý hồ sơ thí nghiệm của khách hàng; Phiếu thí nghiệm;
- Quản lý trang thiết bị phục vụ trong công tác Thí nghiệm; Lập kế hoạch vật tư, thiết bị phục vụ công tác hiệu chuẩn, bảo dưỡng và bảo trì trang thiết bị Thí nghiệm;
- Điều động thiết bị Thí nghiệm cho các Thí nghiệm viên thực hiện tốt công việc;
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Công ty, sự phân công của Trưởng phòng và thay mặt Trưởng phòng trong thời gian vắng mặt, theo quy định của Công Ty và của pháp luật;

Điều 3: Ông **Nguyễn Văn Nhiều** và Trưởng các bộ phận khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

-Như điều 3
-Lưu HCNS



GIÁM ĐỐC

(ký và đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Lương Thanh Tâm

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

BẢN SAO

ĐIỂN NAM

The Rector of

Cantho University

Hiệu trưởng

Trường Đại học Cần Thơ

confers

cấp

THE DEGREE OF BACHELOR

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

UBND PHƯỜNG MỸ XUYẾN
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
hàng thứ 006301 quyển số 1/CTQBNE

Tran Huy Hoàng

Trần Huy Hoàng

Upon: (Mr, Ms)

Born on: 13/10/1982

Ngày 26-08-2019

Giới tính:

Nam

Major in: Civil Engineering

Ngày, tháng, năm sinh: 13/10/1982

Ranking: Pass

Ngành đào tạo: Xây dựng công trình

Mode of study: Part - time

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình

Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

Cần Thơ, ngày 20 tháng 11 năm 2019

CHỦ TỊCH



Lâm Hồng Ngọc

Hiệu trưởng



Serial number:

Reference number: 2285/KCQ.10

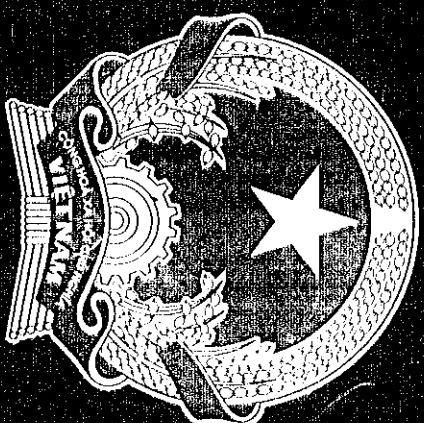
Số hiệu: 001/1211

Số vào sổ cấp bằng:

2285/KCQ.10

Nguyễn Anh Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. **Tran Huy Hoang**

Has successfully passed the Training Course on

**Testing Methods for Determining
the Physico-Mechanical Properties of
Concrete and Building Materials**

In May + June 2009

Ref. N°: 5262/2009/VKH - TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Trần Huy Hoàng**

Ngày sinh: **13/10/1982** - Quê quán: **Đồng Tháp**

Cơ quan: Công ty CP Tư vấn KĐ Công trình Cửu Long

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp xác định các tính chất cơ lý
Bê tông và Vật liệu Xây dựng**

Thời gian tổ chức: Từ ngày 13/5 đến ngày 04/6/2009

Tại: Phân Viện KHCN Xây dựng Miền Nam

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2009

VIỆN TRƯỞNG

PGS. TS. Cao Duy Tiến

UBND PHƯỜNG MỸ XUYỀN
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 006303 nguồn số 1/CT.UBND

Ngày 26-08-2019



Lâm Hồng Ngọc

BỘ XÂY DỰNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
MINISTRY OF CONSTRUCTION
VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY
(IBST)

GIẤY CHỨNG NHẬN

(Đào tạo Thí nghiệm Xây Dựng)

CERTIFICATE
OF CONSTRUCTION TEST TRAINING COURSE



BẢN SAO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀNG KHÔNG

cấp

**CHỨNG CHỈ
SƠ CẤP NGHỀ**



Cho: Trần Huy Hoàng

Ngày sinh: 13-10-1982 Giới tính: Nam

Nơi sinh: Đồng Tháp

Nghề đào tạo: Thí nghiệm kiểm định vật liệu và cấu kiện công trình xây dựng

Khoá học từ tháng 07 / 2009 đến tháng 08 / 2009

Tốt nghiệp loại: Giỏi

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2009



VIỆN TRƯỞNG

Số hiệu chứng chỉ: 016-K4 / TN CHK

Vào sổ cấp chứng chỉ số: 01 / AviaSTI

Ngày 29 tháng 08 năm 2009

Ts. Nguyễn Văn Lý

UBND PHƯỜNG MỸ XUYỀN
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 006302 nguồn số 1/CT.UBND

Ngày 26-08-2019



Lâm Hồng Ngọc

CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Ông (Bà): Trần Huy Hoàng

Ngày sinh: 13/10/1982 Nơi sinh: Đồng Tháp



Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng:

" KIỂM TRA CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN CHỮ LỰC
VÀ CHỨNG NHẬN SỰ PHÙ HỢP VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG "

Từ Ngày: 08/08/2012 Đến Ngày: 11/08/2012

Tại: An Giang

Đạt loại: Khá

Hà nội, Ngày 14 Tháng 08 Năm 2012

GIÁM ĐỐC

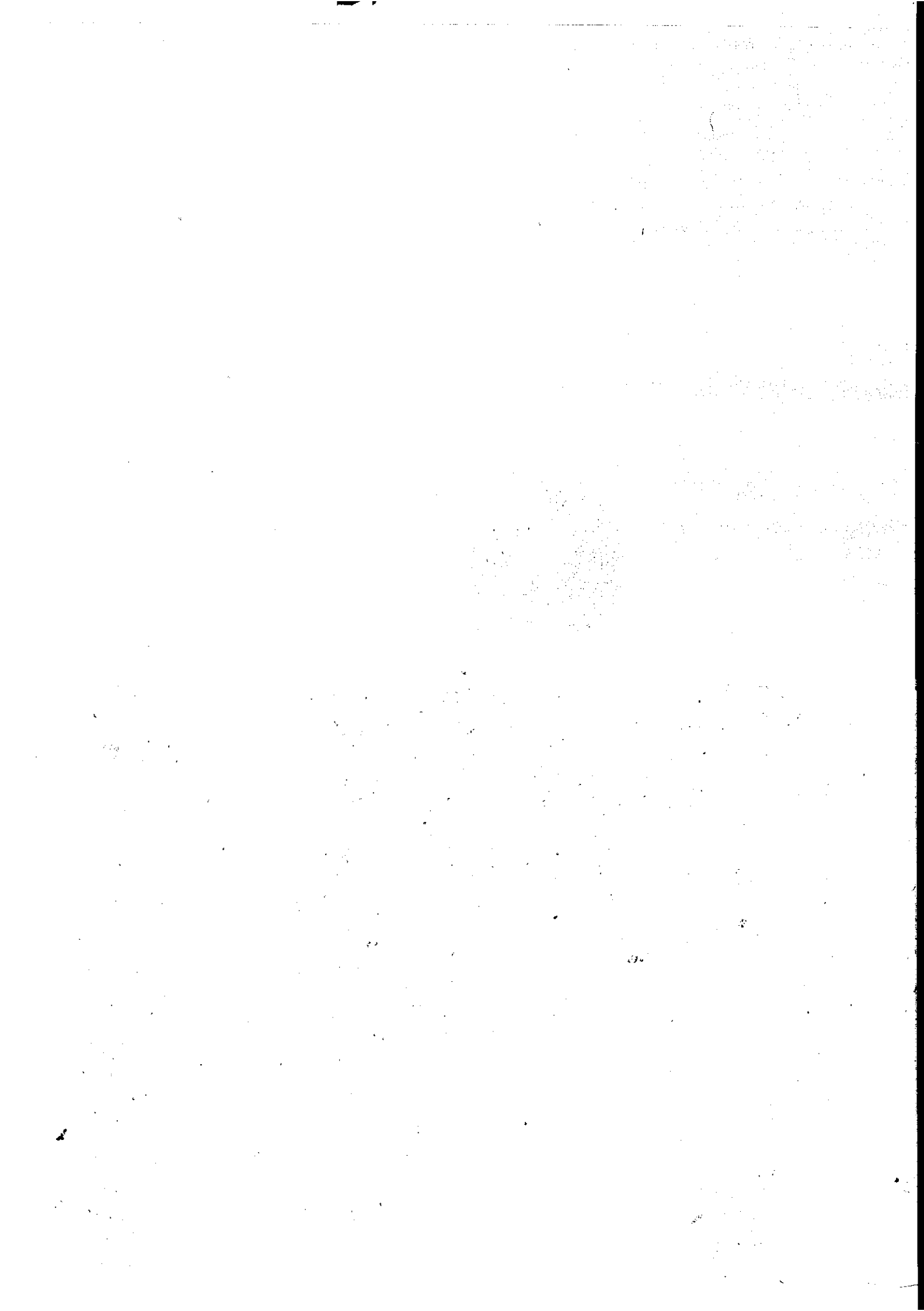
CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG MỸ QUÝ
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 7308 Quyền số: I /CT-UBND
Ngày 7 tháng 9 năm 2012



Số CN: CT - 0169/12/STEC

Phạm Thanh Hùng

HOÀNG VĂN NAM



BẢN SAO

BỘ XÂY DỰNG
HỌC VIỆN CÁN BỘ QUẢN LÝ
XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG NHẬN

Trần Huy Hoàng

Ông (bà):

13-10-1982

Sinh ngày:

Đồng Tháp

Nơi sinh:

Đã học xong chương trình: **Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng**

Tập trung

Hệ:

Từ ngày:

17-12-2012 đến ngày:

21-12-2012



CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG MỸ QUÝ
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 100/2 Quyển số: CT-UBND

Ngày 12 tháng 12 năm 2012

CHỦ TỊCH



Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2012

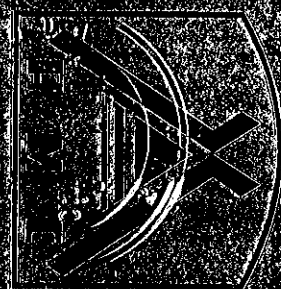
Giám đốc



Th.S. Bùi Đức Hương

Vào sổ ĐK số: 0440-2012

ĐOÀN KINH TẾ
TỔC MIỀN BẮC ĐOÀN KINH
TẾ ĐOÀN KINH TẾ ĐOÀN KINH



GIẤY CHỨNG NHẬN

**BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ THÍ NGHIỆM VIÊN
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Cấp cho Ông/ Bà: **NGUYỄN VĂN NHIỀU**

Sinh ngày: **17 - 10 - 1989**

Quê quán: **AN GIANG**

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:
*Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý Bê tông
và Vật liệu xây dựng.*

Thời gian tổ chức: **Tháng 05 năm 2011.**



(Chữ ký của người được cấp)

Hà Nội, ngày 04 tháng 06 năm 2011



VIỆN TRƯỞNG

Đào Tùng Bách

Số: **QĐ 01 - 14/2011/TNV**

UBND PHƯỜNG MỸ XUYỀN
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: **0 0 6 3 0 6** nguồn số 1/CT.UBND

Ngày **26 -08- 2019**



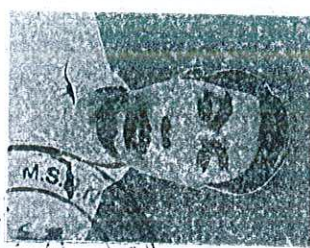
Chủ tịch
Lâm Hồng Ngọc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHÚNG CHỈ

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHỊT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr/Mrs: NGUYEN VAN NHIEU
Has successfully passed Training Course on
Experimenter tests the mechanical properties of asphalt
concrete
In January 2019

Ref. No. 2019-40054B/VND-TNV



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHỊT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông: NGUYỄN VĂN NHIÊU

Ngày sinh: 17 - 10 - 1989

Thường trú: An Giang

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

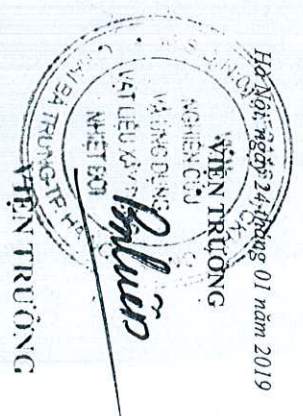
Thí nghiệm viên thử nghiệm tính chất cơ lý của bê tông nhựa

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới

Tường Đại Học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 01 năm 2019

Kết quả học tập: Đạt loại khá.



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. Đoàn Đình Thiện

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR TROPICAL BUILDING
MATERIALS (ITBM)

CHỨNG CHỈ THÍ NGHIỆM VIỆN

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:

Mr/Mrs: NGUYEN VAN NHIEU

Has successfully passed Training Course on

Laboratory management

In November 2019

Ref. N^o: 2019-A0072B/VND-QL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông: NGUYỄN VĂN NHIEU

Ngày sinh: 17 - 10 - 1989

Thường trú: An Giang

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

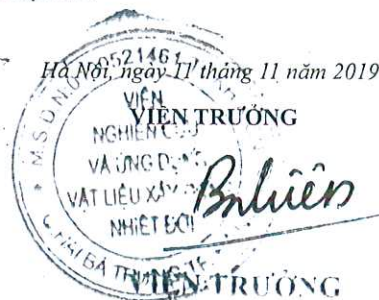
Quản lý phòng thí nghiệm

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới

Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 11 năm 2019

Kết quả học tập: **Đạt loại khá.**



PGS.TSKH. *Bach Dinh Thien*

Ref. N^o: 7317/2010/VKH-TNXD

BAN SAO

VÊN TRƯỞNG

PGS. TS. Cao Duy Tiến

UBND PHƯỜNG MỸ XUYÊN

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 006299 nguồn số 1/CT.UBND

Ngày 26-08-2019



CHỦ TỊCH

Lâm Hồng Ngọc

BỘ XÂY DỰNG
TRUNG ƯƠNG
TRƯỜNG ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ XÂY DỰNG
(BST)

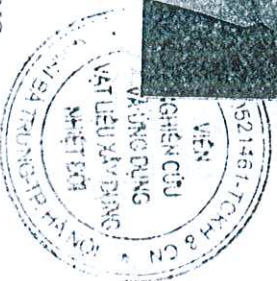
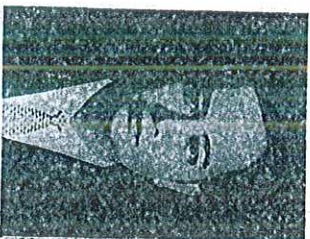
CHUYÊN NGHIỆP NHANH

(Đào tạo nghiệp vụ Xây dựng)

CERTIFICATE
OF CONSTRUCTION TEST TRAINING COURSE



VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr/Mrs: NGUYEN QUANG TRUNG
Has successfully passed Training Course on
Experimenter tests the mechanical properties of asphalt
concrete
In January 2019

Ref. N^o. 2019-A0050B/VND-TNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông: NGUYỄN QUANG TRUNG

Ngày sinh: 09 - 10 - 1984

Thường trú: An Giang

Đã hoàn thành chương trình đào tạo và:

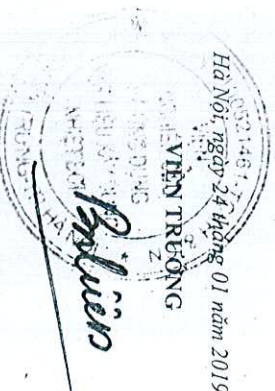
Thí nghiệm viên thủ nghiệm tính chất cơ lý của bê tông nhựa

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới

Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 01 năm 2019

Kết quả học tập: Đạt loại khá.



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. Bạch Đình Khâm

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR TROPICAL BUILDING
MATERIALS (ITBM)

CHỨNG CHỈ THÍ NGHIỆM VIỆN

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. **Pham Hoang Huy**

Has successfully passed the Training Course on

**Testing Methods for Determining
the Physico-Mechanical Properties of
Concrete and Building Materials**

In May + June 2009

Ref. N^o: 5263/2009/VKH - TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Phạm Hoàng Huy**

Ngày sinh: **1988** - Quê quán: **An Giang**

Cơ quan: Công ty CP Tư vấn KĐ Công trình Cửu Long

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp xác định các tính chất cơ lý
Bê tông và Vật liệu Xây dựng**

Thời gian tổ chức: Từ ngày 13/5 đến ngày 04/6/2009

Tại: Phân Viện KHCN Xây dựng Miền Nam

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2009

VIỆN TRƯỞNG

PGS. TS. Cao Duy Tiến

UBND PHƯỜNG MỸ XUYỀN

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 006305
Nguồn số I/CT.UBND

Ngày 26-08-2019

CHỦ TỊCH



Lâm Hồng Ngọc

BỘ XÂY DỰNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
MINISTRY OF CONSTRUCTION
VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY
(IBST)

GIẤY CHỨNG NHẬN

(Đào tạo Thử nghiệm Xây Dựng)

CERTIFICATE
OF CONSTRUCTION TEST TRAINING COURSE



Số hiệu chứng nhận:
Vào sổ cấp chứng nhận 01/AVIASTI
Ngày 23 Tháng 08 năm 2009

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀNG KHÔNG

Chứng nhận: Ông **Phạm Hoàng Huy**

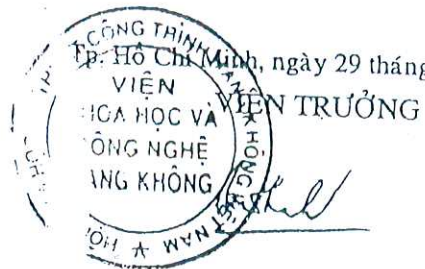
Ngày sinh: 11/11/1988 - Quê quán: **An Giang**

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

**Thí nghiệm kiểm tra vật liệu và cấu kiện
công trình xây dựng**

Thời gian từ: 23/07/2009 đến 29/08/2009

Tại: Viện khoa học và công nghệ hàng không



Ts. Nguyễn Văn Lý



VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chúng nhận: Ông **Phạm Hoàng Huy**

Ngày sinh: **11/11/1988** - Quê quán: **An Giang**

Cơ quan: Công ty CP TV Kiểm định công trình Cửu Long

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ
toàn vẹn và sức chịu tải của cọc**

Thời gian tổ chức: Từ ngày 19/4 đến ngày 23/4/2010

Tại: Phân Viện KHCN Xây dựng Miền Nam

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2010

VIỆN TRƯỞNG

PGS. TS. Cao Duy Tiến

It is hereby certified that:

Mr. Pham Hoang Huy

Has successfully passed the Training Course on

**Field Test for Evaluation the Integrity
and Bearing Capacity of Pile**

In April 2010

Ref. N^o: 6851 /2010/VKH -TNXD

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG MỸ QUÝ

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 252/... Quyển số: 1/CT-UBND

Ngày 22 tháng 04 năm 2011

CHỦ TỊCH



PHAN THANH HUNG



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀNG KHÔNG

cấp



**CHỨNG CHỈ
SƠ CẤP NGHỀ**

Cho: *Phạm Hoàng Huy*

Ngày sinh: *11-11-1988* **Giới tính:** *Nam*

Nơi sinh: *An Giang*

Nghề đào tạo: *Thí nghiệm kiểm định vật liệu và cấu kiện công trình xây dựng*

Khoá học từ tháng *07 / 2009* **đến tháng** *10 / 2009*

Tốt nghiệp loại: *Trung Bình*

Tp. Hồ Chí Minh, ngày *23* **tháng** *10* **năm** *2009*



Số hiệu chứng chỉ: *017-K4/TN CHK*

Vào sổ cấp chứng chỉ số: *01 / AviaSTI*

Ts. Nguyễn Văn Lý

Ngày *23* **tháng** *10* **năm** *2009*

**BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ THÍ NGHIỆM VIÊN
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Cấp cho Ông/ Bà: **TRƯƠNG VĂN TIẾN**

Sinh ngày: **02 - 08 - 1984**

Quê quán: **CẦN THƠ**

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:
**Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý Bê tông
và Vật liệu xây dựng.**

Thời gian tổ chức: **Tháng 05 năm 2011.**



(Chữ ký của người được cấp)

Hà Nội, ngày 04 tháng 06 năm 2011

VIỆN TRƯỞNG



Đào Tùng Bách

Số: **QĐ 01 - 15/2011/TNV**

UBND PHƯỜNG MỸ XUYỀN
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực **0 0 6 3 0 4** nguồn số I/CT.UBNL

Ngày **26 - 08 - 2019**



CHỦ TỊCH
Lâm Hồng Ngọc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHÚNG CHỈ

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG
KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ GTVT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng KTNV GTVT trực thuộc Viện Khoa học và Công nghệ GTVT được quy định tại quyết định số: 3040/TCCB, ngày 14/11/1996 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Giấy phép đăng ký hoạt động khoa học công nghệ số A - 188, ngày 22/12/2003 do Bộ trưởng Bộ KH&CN cấp.

Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng Kỹ thuật Nghiệp vụ GTVT

Cấp

CHỨNG CHỈ

Cho ông (bà): Lưu Anh Dũng
Sinh ngày: 19/6/1984
Nơi thường trú: Kh. Đông Triều - Huyện Bắc Yên
Thị trấn Bắc Yên
Trình độ chuyên môn: Cung học xây dựng Đ. và CN
Đã hoàn thành chương trình: Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ
Kiểm định, đánh giá chất lượng cơ trong CT
Tổ chức tại: Thị trấn phố Hồ Chí Minh
Từ ngày: 02/7/2008 đến ngày: 08/7/2008

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2008

PGD, PHU TRÁCH



PHAN MANH TIEN

Số 39 / CC-TTĐT

